

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2023/DS-ST

Ngày: 19 - 7 - 2023

“V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hải;

2. Bà Lê Thị Chung;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Vui - Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:** Bà My La - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 và 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, Tòa án nhân dân huyện D mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 về: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Tích T, sinh năm 1962 và bà Lộc Thị D, sinh năm 1964. Địa chỉ: số nhà 01/01 xóm 1, thôn 9, xã C, huyện D, Lâm Đồng. Người đại diện theo ủy quyền ông B. Địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện D, tỉnh Lâm Đồng theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2022. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn C, sinh năm 1955.

Địa chỉ: số nhà 326, thôn 5, xã C, huyện D, Lâm Đồng.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Tích T và bà Lộc Thị D là ông B trình bày:

Vợ chồng ông T và bà D có 02 lô đất thuộc thửa 159, tờ bản đồ số 47B, diện tích 6240m² và thửa 161 tờ bản đồ số 74B diện tích 2340 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Tích T vào ngày 15/5/2008. Hai

thửa đất đều tọa lạc tại Thôn 5, xã C, huyện D, Lâm Đồng.

Do là anh em ruột trong nhà nên vào năm 2010 vợ chồng ông T và bà D có cho anh trai ông T là ông Đặng Văn C phần đất đào ao, mục đích là lấy nước tưới cà phê sau này ông Đặng Văn C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 770m² thửa 310, tờ bản đồ số 46, tại xã C, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, tháng 8 năm 2021 thì ông C đã thuê xe máy mức tự ý đào đất lấn chiếm với diện tích theo kết quả đo đạc là 286,5 m².

Nay yêu cầu Tòa án: Buộc ông Đặng Văn C trả lại một phần đất tại thửa 159, tờ bản đồ số 74b cũ, tại: xã C, huyện D, tỉnh Lâm Đồng có diện tích là 286,5m².

Trước đây tôi có yêu cầu ông Đặng Văn C lấp lại rãnh mương thuộc phần đất của tôi mà ông C đã mức, đào để trả lại hiện trạng ban đầu thì tại buổi hòa giải hôm nay tôi xin rút với yêu cầu này, sau này tôi san lấp sẽ yêu cầu bồi thường sau, ở vụ án khác. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

Về định giá: chúng tôi thống nhất không có ý kiến gì.

- *Bị đơn ông Đặng Văn C trình bày:*

Diện tích đất 770m² là do tôi khai hoang hiện nay đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 365297 mang tên Đặng Văn C cấp lại 16/5/2019 (cấp đổi giấy chứng nhận số G 636271 do UBND huyện D cấp 15/01/1996) thửa đất số 331, tờ bản đồ 46, địa chỉ: Xã C, huyện D, Lâm Đồng.

Nguyên đơn ông Đặng Tích T và bà Lộc Thị D yêu cầu Tòa án buộc tôi (Đặng Văn C) trả lại một phần đất tại thửa 159, tờ bản đồ số 74b cũ, tại: xã C, huyện D, tỉnh Lâm Đồng có diện tích là 286,5m² thì tôi xác định vị trí đào đất là đất của tôi, tôi không lấn đất của ông C. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về định giá: Không ý kiến gì về kết quả định giá. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Đặng Tích T về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Đề nghị tuyên xử Buộc bị đơn ông Đặng Văn C trả lại cho ông Đặng Tích T diện tích 286,5 m² thuộc một phần thửa 159 (74b cũ) bản đồ 1995, xã C, D, Lâm Đồng theo kết quả đo đạc thực tế của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Ông Đặng Tích T và bà Lộc Thị D khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn Đặng Văn C trả lại diện tích 286,5 m² thuộc một phần thửa 159, tờ bản đồ số 74 cũ, xã C, huyện D, Lâm Đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 466620 do UBND huyện D cấp ngày 12 tháng 5 năm 2008 cho ông Đặng Tích T được xác định là quan hệ “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

[2]. Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp về quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nơi có bất động sản và cũng là nơi bị đơn cư trú là huyện D nên Tòa án nhân dân huyện D thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a, c khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Nội dung vụ án: Thửa đất 159 tờ bản đồ số 74B, địa chỉ: xã C, huyện D, tỉnh Lâm Đồng có diện tích 6.240 m² được UBND huyện D, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 466620 ngày 12/5/2008 cho ông Đặng Tích T giáp với Thửa đất 310 tờ bản đồ số 46, địa chỉ: xã C, huyện D, tỉnh Lâm Đồng có diện tích 770 m² do Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 365297 ngày 16/5/2019 cho ông Đặng Văn C (Cấp đổi giấy chứng nhận số G 636272 do UBND huyện D cấp ngày 15/01/1996). Năm 2021 ông Đặng Tích C cho xe máy mức đất đến đào đất, ông Đặng Tích T và bà Lộc Thị D có đơn khởi kiện cho rằng ông C lấn đất của ông T bà D với diện tích là 286, 5m² là nguyên nhân phát sinh tranh chấp.

Tại phiên tòa ông T và bà D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông C phải trả lại diện tích 286,5 m² thuộc thửa đất 159 tờ bản đồ số 74B, địa chỉ: xã C, huyện D, tỉnh Lâm Đồng có diện tích 6.240 m² được UBND huyện D, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 466620 ngày 12/5/2008 cho ông Đặng Tích T.

Xét theo kết quả đo đạc, lồng ghép bản đồ địa chính của chi nhánh văn phòng đất đai huyện D thì vị trí đất các đương sự có tranh chấp gồm các mốc A, A1, A2, A3, A4, A5 và A6 có diện tích 286,5 m² thuộc một phần thửa 159, tờ bản đồ 74 cũ cấp cho ông Đặng Tích T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 466620 ngày 12/5/2008 do đó có cơ sở buộc ông Đặng Văn C giao trả lại diện tích 286,5 m² cho ông T và bà D.

Căn cứ theo biên bản định giá ngày 11/5/2023 vị trí đất tranh chấp là đất trống. Theo chứng thư thẩm định giá số 47/2023/FMA-LĐ của Công ty TNHH Thẩm định giá Năm Thành Viên thì diện tích 286,5 m² giá trị thành tiền là 70.232.000đ (Bảy mươi triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng).

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá với số tiền là 12.333.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng). Do yêu cầu của

nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đặng Văn C phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền là 12.333.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng).

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Tích T và bà Lộc Thị D được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn Đặng Văn C phải chịu toàn bộ án phí trên giá trị đất buộc phải giao trả lại cho nguyên đơn cụ thể: $70.232.000 \times 5\% = 3.511.600\text{đ}$. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Đặng Tích T và bà Lộc Thị D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; điều 144, 147; điều 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 107, 175, 176 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điều 166, 170, 203 Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Tích T và bà Lộc Thị D về tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Buộc ông Đặng Văn C giao trả cho ông Đặng Tích T và bà Lộc Thị D diện tích 286,5 m² thuộc một phần thửa 159, tờ bản đồ 74 cũ cấp cho ông Đặng Tích T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 466620 ngày 12/5/2008 (vị trí diện tích 286,5m² buộc ông Đặng Văn C giao trả lại cho ông Đặng Tích T và bà Lộc Thị D được đánh dấu vị trí số (3) gồm các điểm A, A1, A2, A3, A4, A5, A6 theo họa đồ đo đạc ngày 02/11/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện D, tỉnh Lâm Đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đặng Văn C phải nộp 12.333.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá để hoàn trả cho ông Đặng Tích T và bà Lộc Thị D.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định Thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Án phí: Buộc ông Đặng Văn C chịu án phí số tiền 3.511.600đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đặng Tích T và bà Lộc Thị D tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0006289 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án; bộ phận lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Đồng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án; bộ phận lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đồng

*Mẫu số 51-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP
ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày... tháng...năm

Tại:⁽²⁾

Với Hội đồng xét xử⁽³⁾ gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

(4)

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số...../...../.....-.....⁽⁵⁾
ngày.....tháng.....năm.....về ⁽⁶⁾..... giữa:

Nguyên đơn

Bị đơn

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

(7)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU⁽⁹⁾**

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

(1) Ghi tên Tòa án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi “TLST”, nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi “TLPT”; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ ... phút, ngày 19 tháng 7 năm 2023.

Tại: Phòng Nghị án trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, Lâm Đồng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hải;

2. Bà Lê Thị Chung.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 142/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 về: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Tích T, sinh năm 1962 và bà Lộc Thị D, sinh năm 1964. Địa chỉ: số nhà 01/01 xóm 1, thôn 9, xã C, huyện D, Lâm Đồng. Người đại diện theo ủy quyền ông B. Địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện D, tỉnh Lâm Đồng theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2022. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn C, sinh năm 1955. Địa chỉ: số nhà 326, thôn 5, xã C, huyện D, Lâm Đồng. Có mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1/ Về căn cứ pháp luật:

- Hội thẩm bà Lê Thị Chung có ý kiến:

Căn cứ vào điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; điều 144, 147; điều 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 107, 175, 176 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điều điều 166, 170, 203 Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Hội thẩm Trần Thanh Hải thống nhất ý kiến của hội thẩm Lê Thị Chung.

- Chủ tọa thống nhất ý kiến của các hội thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2/ Về đường lối giải quyết:

- Hội thẩm Trần Thanh Hải có ý kiến:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Tích T và bà Lộc Thị D về tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Buộc ông Đặng Văn C giao trả cho ông Đặng Tích T và bà Lộc Thị D diện tích 286,5 m² thuộc một phần thửa 159, tờ bản đồ 74 cũ cấp cho ông Đặng Tích T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 466620 ngày 12/5/2008 (vị trí diện tích 286,5m² buộc ông Đặng Văn C giao trả lại cho ông Đặng Tích T và bà Lộc Thị D được đánh dấu vị trí số (3) gồm các điểm A, A1, A2, A3, A4, A5, A6 theo họa đồ đo đạc ngày 02/11/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện D, tỉnh Lâm Đồng).

- Hội thẩm Lê Thị Chung thống nhất ý kiến của hội thẩm Trần Thanh Hải.

- Chủ tọa thống nhất ý kiến của các hội thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3/ Về chi phí tố tụng:

- Hội thẩm bà Lê Thị Chung có ý kiến:

Buộc ông Đặng Văn C phải nộp 12.333.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá để hoàn trả cho ông Đặng Tích T và bà Lộc Thị D.

- Hội thẩm Trần Thanh Hải thống nhất ý kiến của hội thẩm Lê Thị Chung.

- Chủ tọa thống nhất ý kiến của các hội thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4/ Về án phí:

- Hội thẩm Trần Thanh Hải có ý kiến:

Buộc ông Đặng Văn C chịu án phí số tiền 3.511.600đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Hội thẩm Chung thống nhất ý kiến của hội thẩm Hải.

- Chủ tọa thống nhất ý kiến của các hội thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5/ Về quyền kháng cáo và thi hành án:

- Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Chung:

Về thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 [Luật thi hành án dân sự](#).

Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

- Hội thẩm Hải thông nhất ý kiến của hội thẩm Chung.
- Chủ tọa thông nhất ý kiến của các hội thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, Cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Đồng